

THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

Khái lược về Đạo giáo Việt Nam

HUỆ KHẢI (*)

Cái học Lão Trang trong sáu, bảy thế kỉ trước Công Nguyên ở Trung Quốc (thời Xuân Thu Chiến Quốc)⁽¹⁾ là một học thuật tư tưởng. Các đạo gia không chủ trương những điều huyền bí. Trước cảnh thiên hạ đại loạn họ chọn cuộc sống ẩn dật, di dưỡng thiên chân. Từ thế kỉ I, thời Đông Hán (Hậu Hán), với Trương Đạo Lăng⁽²⁾, cái học Lão Trang biến thành một tôn giáo, gọi là Đạo giáo, Đạo giáo.

Đạo giáo phát triển muôn vẻ. Các đạo sĩ (phương sĩ)⁽³⁾ chuyên tâm vào bùa chú (phù chú hay phù lục), luyện đan. Họ được gọi là phái thần tiên đan đỉnh và phù lục. Kinh điển Đạo giáo rất nhiều và phức tạp, được sưu tập thành những bộ gọi là *Đạo Tạng*.

Đường Huyền Tông (cai trị 712-756) tin rằng ông là hậu duệ của Lão Tử nên sắc chiếu sai tìm kiếm các kinh điển Đạo giáo còn tồn tại khắp Trung Quốc. Bộ sưu tập các kinh điển này vào những năm Khai Nguyên (713-741) gọi là *Tam Động Quỳnh Cương* hay *Khai Nguyên Đạo Tạng*, gồm khoảng ba ngàn bảy trăm quyển, nay không còn.

Các cuộc sưu tập nối tiếp đã được gắng sức thực hiện theo mệnh lệnh của các vua đời Tống. Đời Tống Thần Tông (trị vì 1067-1085) có bộ *Đại Tống Thiên Cung Bảo Tạng*, gồm bốn ngàn năm trăm sáu mươi lăm quyển, nay không còn. Vào những năm Chính Hòa (1111-1118) đời Tống Huy Tông (trị vì 1100-1126) có bộ *Chính Hòa Vạn Thọ Đạo Tạng*, nay không còn.

Đời Kim có bộ *Đại Kim Huyền Đô Bảo Tạng*, gồm khoảng sáu ngàn bốn trăm quyển, nay không còn. Bộ *Huyền Đô Bảo*

Tạng được sưu tập năm 1244, gồm bảy ngàn quyển, nay không còn.

Bộ Đạo Tạng trong những năm Chính Thống (1436-1449) đời Minh Anh Tông gọi là *Chính Thống Đạo Tạng* gồm năm ngàn ba trăm lẻ năm quyển. Phần bổ sung năm 1607 có một trăm lẻ tám quyển, gọi là *Tục Đạo Tạng*. Cả hai bộ này hiện còn, có cả thầy năm ngàn bốn trăm tám mươi lăm quyển⁽⁴⁾.

Đạo giáo có nhiều tông phái, rất phức tạp. Một số phái chủ yếu là:

1. Phái *Chính Nhất*, cũng gọi là phái *Thiên*

*. Nhà nghiên cứu, Tp. Hồ Chí Minh.

1. Thời Xuân Thu (770-402 TCN): Từ đời Bình Vương tới cuối đời Uy Liệt Vương nhà Chu. Thời Chiến Quốc (401-221 TCN): Từ đời An Vương nhà Chu đến khi Tần Thủy Hoàng diệt Tề và thống nhất Trung Quốc. [Nguyễn Hiến Lê 1992: 25]. Cước chú này cho biết thông tin nói trên có trong một cuốn sách của Nguyễn Hiến Lê in năm 1992, trang 25. Về chi tiết của nguồn tài liệu, xin xem *Thư Tịch* ở cuối khảo luận này.

2. Trương Đạo Lăng, tự Phụ Hán, sinh ở Thiên Mục Sơn, Chiết Giang, khoảng năm 34 hay 35, triều Quang Vũ Đế; được tôn là Trương Thiên Sư. Chức thiên sư được R. H. Mathews dịch là "Taoist Pope" (mục từ 195h, tr. 20) và giảng thiên sư là vị đứng đầu tông phái Đạo giáo (*the head of the Taoist sect*, mục từ 6361a-51, tr. 922). Xem: *Mathews' Chinese-English dictionary*. Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1971.

3. Holmes Welch (1921-1981) trong tác phẩm *Taoism: the Parting of the Ways* (Beacon Press, 1966) gọi đạo gia là *Daoist philosophers* và đạo sĩ là *Daoist priests*.

4. Theo [Liu Ts'un-yan 1973: 104], thoát đầu Đạo Tạng có năm ngàn ba trăm lẻ năm quyển, đựng trong bốn trăm tám mươi hộp, kết tập từ đầu đời Minh [năm 1368] và hoàn tất năm 1445. *Tục Đạo Tạng* năm 1607 gồm một trăm tám mươi quyển.

Sư, thuộc Long Hồ Sơn, tỉnh Giang Tây.

2. Phái *Mao Sơn* với hai loại pháp môn: (a) tịnh luyện dựa theo *Huỳnh Đình Kinh*; và (b) võ thuật dựa theo Kỳ Môn Độn Giáp.

3. Phái *Thái Cực* thuộc Vũ Dương Sơn ở Hồ Bắc với hai loại pháp môn: (a) võ thuật trừ tà ma; và (b) tịnh luyện theo phương pháp của Trương Tam Phong.

4. Phái *Toàn Chân* có ảnh hưởng đến các cư sĩ Đạo giáo tu luyện tại gia.

5. Phái *Lư Sơn* với các đệ tử đầu quần khăn đỏ, thổi tù và, rung chuông khi hành lễ⁽⁵⁾.

Có thể Đạo giáo du nhập Việt Nam khoảng thế kỷ II, bấy giờ đã mang màu sắc Đạo giáo Trung Quốc. Nguyên vì ở Trung Quốc, sau khi Hán Linh Đế mất (năm 189), xã hội rối loạn, người Hán chạy sang Giao Châu (miền Bắc ngày nay) lánh nạn rất đông, trong đó có nhiều đạo sĩ tịch cốc (nhịn ăn), luyện pháp trường sinh⁽⁶⁾.

Quan lại Trung Quốc sang đô hộ Giao Châu hầu như đều sành phương thuật. Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, quyển 3, Thái thú Sĩ Tiếp (Sĩ Nhiếp, 137-226) lâm bệnh, chết đã ba ngày, lại được một đạo nhân là Đồng Phụng đến cho thuốc cải tử hoàn sinh⁽⁷⁾. Lại chép việc Thứ sử Trương Tân (sang Giao Châu từ năm 201) hay đội khăn đỏ, đọc kinh sách Đạo giáo⁽⁸⁾.

Đời Đường (618-907), năm 865, Cao Biền sang nước Nam đàn áp các cuộc khởi nghĩa của dân Việt. Họ Cao là một thuật sĩ có hạng, chuyên về phong thủy, ráo riết tìm phá long mạch, trấn yểm các nơi anh linh tú khí của nước Nam, cốt ý cho nước Nam không còn sinh ra nhân tài, anh hùng hào kiệt, sẽ phải chịu ách đô hộ của phương Bắc đời đời.

Đạo giáo Việt Nam cũng khá phức tạp, vừa mang màu sắc Đạo giáo Trung Quốc, vừa chịu ảnh hưởng các đạo gia, và đồng thời cũng kết hợp với Thần đạo của người Việt (thờ các danh nhân đất nước, anh

hùng dân tộc). Vì thế, Đạo giáo ở Việt Nam có nhiều khuynh hướng khác nhau.

I. VÀI KHUYNH HƯỚNG TIÊU BIỂU CỦA ĐẠO GIÁO VIỆT NAM

1. Khuynh hướng phù chú và bạo động

Bùa chú trong một thời gian dài có ảnh hưởng đến sinh hoạt xã hội. Chẳng hạn, cộp được coi là loài thú có thể khu trừ tà ma, do đó nhiều nhà dân bùa vẽ hình cộp trước cửa để che chở gia đình, và lá bùa ấy có tên *Trừ tà trị bệnh, trấn trạch bình an*.

Đạo giáo có sức lôi cuốn nông dân vào các hội bí mật, hoặc để tương trợ nhau chống lại cường hào ác bá, hoặc để mưu đồ quốc gia đại sự.

Đời Trần Phế Đế (trị vì 1377-1388), ở lộ Bắc Giang có Nguyễn Bồ, năm 1379 xưng vương, hiệu Đường Lang Tử Y⁽⁹⁾.

Đời Hồ (1400-1407) có Trần Đức Huy dùng phương thuật thu hút đông người theo⁽¹⁰⁾, bị Hồ Quý Ly dẹp năm 1403.

Thời kháng Pháp có đạo sĩ Trần Cao Vân (1866-1916), tên thật là Trần Công Thọ, hiệu Hồng Việt, quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Miền Nam có Thiên Địa Hội lôi cuốn hàng ngàn người. Có Phan Phát Sanh (Phan Xích Long, 1893-1916) xưng hoàng đế, nổi lên đánh Pháp (cuối tháng 3-1913); nghĩa quân đeo bùa, mang giáo mác, gậy gộc, bắt chấp sủng đạn của giặc⁽¹¹⁾.

5. [Michael Saso 1973: 403-416].

6. *Phật Giáo Đại Tạng Kinh*, số 52, *Sử Truyện*, bộ IV, *Hoàng Minh Tập*, quyển I, viết: "Thị thời [Hán] Linh Đế băng hậu, thiên hạ nhiễu loạn, độc Giao Châu sái an. Bắc phương dị nhân hàm lai tại yên, đa vi thân tiên tịch cốc, trường sinh chi thuật". 是時靈帝崩後,天下擾亂,獨交州差安.北方異人咸來在焉,多為神仙辟穀長生之術. [Nguyễn Đăng Thục: 1971a: 114].

7. [Ngô Sĩ Liên 1974: 246].

8. [Ngô Sĩ Liên 1974: 244].

9. [Nguyễn Tự 1962: 113].

10. [Nguyễn Đồng Chi 1942: 419].

11. [Phạm Văn Sơn 1963: 459-460].

Còn rất nhiều những phong trào như thế khắp cả nước, như Mạc Đình Phúc (Miền Bắc), Võ Trứ (Miền Trung), Nguyễn Hữu Trí (Miền Nam), v.v...

2. Khuynh hướng phong thủy và sấm kí

Khoa phong thủy (địa lí) ở nước Nam và việc tiên tri loan truyền sấm kí rất được quần chúng ưa thích.

Thời Hồ (1400-1407) ở lộ Tân Hưng có Trần Quốc Kiệt làm quan chức An Phủ Sứ, soạn *Hình Thế Địa Mạch Ca*⁽¹²⁾.

Thời Mạc (1527-1592) có Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), hiệu Bạch Vân Cư Sĩ, đời gọi Trạng Trình, nổi tiếng nhờ tài tiên tri.

Thời vua Lê chúa Trịnh (1545-1787) ở làng Tả Ao, tỉnh Nghệ An, có Nguyễn Đức Huyền vang danh nhờ khoa địa lí.

Thời Tây Sơn (1778-1802) ở huyện La Sơn, tỉnh Hà Đông có Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu Tử, 1723-1804) cũng nổi tiếng về phong thủy.

Sấm kí cũng được nhiều cao tăng sử dụng. Làng Cổ Pháp, tỉnh Bắc Ninh, trong phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) có nhiều nhân vật lừng lẫy: sư Định Không (thế kỉ VIII, đời thứ tám); sư La Quý An (852-936, đời thứ mười); sư Vạn Hạnh (?-1018, đời thứ mười hai), v.v...

3. Khuynh hướng trường sinh bí thuật

Vua Trần Dụ Tông (1341-1369) cầu đạo trường sinh với đạo sĩ Huyền Vân tu ở núi Niết (núi Phụng Hoàng), huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Thời Hồ (1400-1407) ở xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, có Trần Tu vào núi Nưa (Na Sơn) tu thành tiên.

Thời vua Lê chúa Trịnh (1545-1787) ở huyện Đông Thành có Phạm Viên tu thành tiên.

Triều Lê Hiển Tông (trị vì 1740-1786) có Nguyễn Hoản (1713-1791), làng Lan Khê,

huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, làm quan Thượng Thư Bộ Lại. Gia phả họ Nguyễn, mục *Tiên Khảo Đạo Tu Lục* cho biết ông tu tiên từ năm 1745, thường đọc *Đạo Đức Kinh*; lập tịnh thất để tu luyện ngay trong nhà (1752); thờ thần Ngũ Nhạc (1760); sau lại xây thêm tháp mười hai tầng để luyện khí âm dương, v.v... Cuối cùng vì cuồng vọng, ông đi lạc sang tà đạo⁽¹³⁾.

4. Khuynh hướng thanh tĩnh, nhàn lạc

Triết lí vô vi thanh tĩnh của Lão-Trang ảnh hưởng giới Nho sĩ rất nhiều, tạo cho con người xu hướng ẩn dật, ưa thích gần thiên nhiên, tìm cái thú nhàn lạc bên chén rượu cuộc cờ, tiêu dao với ngón đàn, vãn thơ, hay nét thư họa, v.v... Xu hướng này thích hợp khi con người không gặp thời, hoặc khi đã chán cuộc đời phồn tạp. Vì thế, Nho sĩ Việt Nam thời xưa luôn luôn trang bị cho bản thân tư tưởng xuất xử. Gặp thời hay, được thi thố tài năng thì tham gia việc nước (xuất). Lúc bất đắc chí, khi tuổi già hay chán quan trường thì xin bỏ về nơi điền dã hay chốn heo hút (xử).

Thời Trần, Nguyễn Phi Khanh (1355-1428) viết:

Bách niên phù thế nhân giai mộng,

Bán nhật thâm nhân ngã diệc tiên⁽¹⁴⁾.

(Đời trôi nổi trăm năm kiếp người như mộng,

Trộm được nửa ngày nhàn ta cũng là tiên).

Thời Mạc, Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) viết:

Nhưng trong mọi việc đã ngoài hết,

Được một ngày là tiên một ngày⁽¹⁵⁾.

Hay là:

Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp,

Nhìn xem thế sự tựa chiêm bao.

12. [Nguyễn Đồng Chi 1942: 420].

13. [Hoàng Xuân Hãn 1952: 93-95], [Trần Văn Giáp 1984: 107].

14. 百年浮世人皆夢, / 半日偷閒我亦仙.

15. [Viện Văn Học 1978: 423].

Thời Lê-Mạc (1533-1592), có Nguyễn Hăng, quê xã Xuân Lũng, phủ Lâm Thao, trấn Sơn Tây, thi đậu Hương Cống nhưng không làm quan, về ở ẩn ở xã Đại Đồng, phủ Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang. Ông lấy hiệu Nại Hiên. Triều Lê (khi trung hưng) phong tặng là Thảo Mao Dật Sĩ. Ông sáng tác những bài phú ca ngợi thú ở ẩn non cao như *Đại Đồng Phong Cảnh Phú, Tam Ngung Động Phú, Tịch Cư Ninh Thế Phú*, v.v...⁽¹⁶⁾

Thời Tây Sơn, có Phan Huy ích (1750-1822), quê ở Nghệ An, lấy hiệu Bảo Chân Đạo Nhân. Năm 1796 ông dựng nhà tại kinh thành Thăng Long, đặt tên là Bảo Chân Quán. Trong bài kí do ông sáng tác để nói về Bảo Chân Quán, ông bày tỏ mục đích là để sớm hôm quanh quần ở đó, khi dựa bao lớn uống trà, khi đến dòng sông buông câu, khi khảy đàn nhấp rượu, khi ngâm vịnh tùy hứng...⁽¹⁷⁾

Thời Nguyễn có Nguyễn Công Trứ (1778-1858), người xã Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là một nhà Nho độc đáo. Ông từng tự hào:

Tri túc, tiện túc; đãi túc, hà thời túc?

Tri nhàn, tiện nhàn; đãi nhàn, hà thời nhàn?

Cầm kì thi tửu với giang san,

Để mấy kẻ xuất trần xuất thế?

Khuynh hướng thanh tịnh, nhàn lạc còn thấy được qua thú chơi cây kiểng và hòn non bộ. Một gốc cây sù sì, nho nhỏ, uốn cành sửa lá theo ý riêng, hoặc bày vài hòn đá con con, chông chênh trên một bể nước cạn. Thêm vào vài nhánh lá, chiếc cầu, con thuyền, lát đác một hai tượng sành tí xíu hình lão tiêu, ông câu, hay đôi bạn đang đánh cờ, v.v... Đó là cả một thế giới riêng của con người đem thu nhỏ lại từ hình ảnh thật của thiên nhiên bao la.

Chơi cây kiểng và hòn non bộ từ lâu đời vẫn được coi như thú tiêu khiển thanh tao, giúp con người di dưỡng tính tình. Nó được xếp hạng không kém bốn thú tài tử cầm, kì, thi, họa.

II. ĐẠO GIÁO KẾT HỢP VỚI THẦN ĐẠO VIỆT NAM

Từ lâu đời, người Việt có một đức tin sâu sắc vào sự trường cửu của anh linh những công thần, hào kiệt. Lúc sống, làm rường cột chống đỡ sơn hà xã tắc, cứu dân giúp nước. Khi thác, trở thành thần thánh, hiển hích, âm phù mặc trợ cho đồng bào. Thần đạo Việt Nam giản dị như vậy, và đó cũng là một truyền thống yêu nước và lòng kính trọng nghìn đời của dân tộc đối với các vị anh hùng, những bậc kì tài của đất nước. Đình làng, tục thờ thành hoàng, đền thờ hay lăng, miếu các danh tướng lương thần đều là nét tín ngưỡng Thần đạo của người Việt.

Đạo giáo cũng như đạo Phật đã khéo dung hợp, hòa nhập với những tín ngưỡng cổ truyền trong lòng xã hội Việt Nam. Trong lúc đất nước mất chủ quyền, chính tín ngưỡng Thần đạo đã nuôi dưỡng ý thức quốc gia, khơi lòng yêu nước, để khi thời cơ đến thì gây phong trào khởi nghĩa, đánh đuổi ngoại xâm. Như vậy Thần đạo Việt Nam còn phản ánh tình yêu nước Việt Nam.

Thật vậy, trong toàn bộ lịch sử lâu dài vừa đấu tranh giữ nước vừa ra sức dựng nước, dân tộc Việt Nam đã chiến đấu bất khuất, không phải chỉ với phương tiện vật chất hữu hình, mà còn có cả sức mạnh vô hình là đức tin mãnh liệt vào khí thiêng sông núi, tin rằng có biết bao thế hệ anh linh tiên nhân dân tộc đang cùng đứng chung chiến tuyến với chính nghĩa của dân tộc để bảo vệ sự độc lập, thống nhất, trường tồn của Việt Nam.

Thần đạo Việt Nam còn làm phong phú thêm hệ thống thần tiên của Đạo giáo Trung Quốc bởi lẽ bên cạnh các vị thần tiên của Đạo giáo Trung Quốc, người Việt thờ thêm các vị thần của dân tộc mình. Thí dụ:

16. [Dương Quảng Hàm 1968b: 297].

17. [Ngô Thì Nhậm 1978: 33].

- Thông Thánh Quán ở vùng Bạch Hạc (Việt Trì, cách Hà Nội bảy mươi lăm cây số về hướng tây bắc) đã thờ thần sông Tam Giang là vị phúc thần của địa phương.

- Các đạo quán khác thờ thần núi Tản Viên (tỉnh Sơn Tây, gồm ba ngọn cao ngất, nên cũng gọi là núi Ba Vì), thờ thần sông Tô Lịch, v.v...

- Từ thời Trần (1225-1400), Đức Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1228?-1300) được thờ ở Vạn Kiếp, Chí Linh, rồi lan truyền nhiều nơi.

- Thời Hậu Lê (1428-1788), có đền thờ Bà Chúa Liễu Hạnh. Nhiều nữ thần khác cũng được dân gian thờ phụng khắp trong nước.

III. MỘT SỐ ĐẠO QUÁN NỔI TIẾNG

a. Thông Thánh Quán: Ở vùng Bạch Hạc (Việt Trì), dựng khoảng năm 650-655, đến thế kỉ XIV thì không còn⁽¹⁸⁾.

b. Thái Thanh Cung: Được dựng ở bên trái kinh thành Thăng Long. Bên phải là chùa Vạn Tuế. Vua Lý Thái Tổ (trị vì 1009-1028) cho cất cung và chùa này khi mới dời đô từ Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình) về Thăng Long (Hà Nội ngày nay)⁽¹⁹⁾.

c. Trấn Vũ Quán: Cũng được xây dựng lúc vua Lý Thái Tổ vừa dời đô về Thăng Long (1010), nay nằm ở góc đường Quán Thánh và đường Thanh Niên, quận Ba Đình, Hà Nội. Quán này còn được gọi là đền Trấn Vũ hay Chân Vũ. Đức Huyền Thiên Chân Vũ Đại Đế được thờ tại quán này để hộ trì mặt bắc thành Thăng Long. Đời vua Lê Hy Tông (trị vì 1676-1704), tượng Đức Chân Vũ đúc bằng đồng đen cao 3,96 mét, nặng 4 tấn. Năm 1893, lại xây thêm cho tượng một bệ đá cao 1,20m⁽²⁰⁾.

d. Ngọc Thanh Quán: Quán nằm trên núi Đại Lai (Thanh Hóa). Năm 1398, Hồ Quý Ly (1336-1407) mưu việc dứt ngôi nhà Trần, ép vua Trần Thuận Tông (trị vì 1388-1398) thoái vị, và cưỡng bách vua về quán này tu tiên.

e. Nghinh Tiên Quán (Vọng Tiên Quán): Vua Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497) ra

chơi Hồ Tây, gặp một thiếu nữ xinh đẹp, xướng họa thơ rất tài tình nên vua Lê rước lên xe đưa về cung. Khi đến cửa Đại Hưng thành Thăng Long (nay là Cửa Nam, Hà Nội), nàng ấy bay lên trời, biến mất. Vua cho cất tại cửa Đại Hưng lầu Vọng Tiên để kỉ niệm. Về sau chốn này thành quán Vọng Tiên hay Nghinh Tiên, nằm ở phố Hàng Bông, Hà Nội ngày nay⁽²¹⁾.

f. Tiên Tích Tự: Ra chơi hồ Kim Âu ở phía nam thành Thăng Long, vua Lê Hiến Tông (trị vì 1740-1786) gặp hai nàng tiên, nên cho cất Tiên Tích Tự ở đấy. Hồ Kim Âu ở vị trí nhà ga đường sắt Hà Nội ngày nay⁽²²⁾.

g. Đền Ngọc Sơn: Đền nằm trên một gò đất nổi lên ở phía bắc hồ Hoàn Kiếm. Thoạt đầu nơi đây thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, sau trùng tu lại, thờ Phật, gọi là chùa Ngọc Sơn. Năm 1841, biến thành đền thờ Đức Văn Xương Đế Quân. Về sau lại thờ thêm Đức Lữ Tổ và Đức Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1228?-1300)⁽²³⁾.

h. Bảo Chân Quán: Do Phan Huy Ích (1750-1822) cất tại Thăng Long năm 1796.

IV. THƯỢNG SƯ NỘI ĐẠO

Đây là một đạo trường lớn của Đạo giáo ở Việt Nam thời xưa. Đời Hậu Lê, có Trần Toàn là người làng Yên Đông, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Hậu Lê (thời gian 1527-1592), ông từ quan về quê tu hành.

Đắc đạo, ông được Thượng Đế phong chức Thượng Sư, lo trừ tà khử quái suốt hai châu Hoan (tỉnh Thanh Hóa) và Ái (tỉnh Nghệ An).

Thượng Sư đến làng Từ Minh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa mở đạo

18. [Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam 1971a: 127].

19. [Lê Quý Đôn 1977: 387].

20. [Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam 1978: 53].

21. [Phạm Văn Diêu 1960: 331].

22. [Hoàng Trọng Miên 1973: 417].

23. [Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam 1978: 68].

trường. Vua Lê Thần Tông (trị vì 1619-1643; 1649-1662) ban cho trường tên là Nội Đạo Trường. Sau khi Thượng Sư thoát xác, vua lại truy phong là Phục Ma Thượng Đẳng Phúc Thần và cho lập đền thờ.

Thượng Sư có ba con trai là Nhật Quang, Nguyệt Quang, và Ngọc Quang, đều tinh thông đạo pháp của Thượng Sư truyền dạy. Ba vị nổi danh lừng lẫy, đời xưng tán, gọi là Tam Thánh Nội Đạo. Sau khi Thượng Sư quy thiên, Ngọc Quang kế tục đạo nghiệp của cha, lãnh phân điều khiển Nội Đạo Trường.

Được triều đình công nhận nên Nội Đạo Trường có uy thế rất lớn. Chi nhánh của Nội Đạo Trường hình thành khắp nơi, như ở làng Từ Quang (tức Từ Minh trước kia, huyện Hoàng Hóa), làng Yên Đông (huyện Quảng Xương), đều ở tỉnh Thanh Hóa; hoặc ở tỉnh Nghệ An, ở hạt Huệ Lai, tỉnh Hưng Yên; hay ở Nhật Tảo (tỉnh Hải Dương), ở làng Giảng Võ (Thành phố Hà Nội), v.v...

Nội Đạo Trường thờ các vị thần tiên của người Việt như Bà Chúa Liễu Hạnh, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Phù Đổng Thiên Vương, thần núi Tản Viên, thần Bạch Mã, v.v...⁽²⁴⁾

V. THI ĐẠO HỌC

Triều đình hai lần mở khoa thi Tam Giáo vào đời vua Lý Cao Tông (1195) và vua Trần Thái Tông (1247).

Về nội dung thi Đạo học, Nguyễn Đồng Chi (1915-1984) sưu tầm được một đề thi và một bài trả lời các câu hỏi ra trong đề đó⁽²⁵⁾. Đọc bài thi này, có thể hiểu được phần nào việc học Đạo giáo của người Việt thời xưa. Bài thi như sau:

(1) Pháp môn là gì?

Mọi pháp quy tông, muôn đời chẳng đổi, muôn thánh ngàn thân, một môn đồng hội, ấy gọi là pháp môn vậy.

(2) Phù thủy là gì?

Khí âm khí dương hỗn hợp mà thành ra thiêng, dùng nước đại bi phun cho ma

sợ, ấy gọi là phù thủy vậy.

(3) Pháp môn lấy ai làm Thánh?

Pháp môn do Thái Thượng Lão Quân lập ra cho nên tôn Ngài làm Thánh.

(4) Phù thủy lấy ai làm Thầy?

Phù thủy do Chân Vũ Tiên Sinh lập ra cho nên tôn Ngài làm Thầy.

(5) Tứ Thánh, Tứ Giác, Tứ Tung, Tứ Duy là ý thế nào?

Thiên Bồng, Thiên Du, Bảo Đức, Hắc Sát gọi là Tứ Thánh.

Càn, Khôn, Tốn, Cấn gọi là Tứ Giác⁽²⁶⁾.

Thiên Hoa, Địa Hoa, Lão Hạc, Đồng Trụ gọi là Tứ Tung.

Tý, Ngọ, Mão, Dậu gọi là Tứ Duy.

(6) Tam Giới, Tam Thanh, Tam Động, Tam Ty là thế nào?

Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới ấy là Tam Giới.

Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh, ấy là Tam Thanh.

Động Chân, Động Huyền, Động Vi ấy là Tam Động.

Lôi Đình, Linh Bảo, Thái Huyền ấy là Tam Ty.

(7) Ôn, Hoàng, Dịch, Lệ sinh vào buổi nào?

Vua Hoàng Đế có bốn người con bất tài tên là Ôn, Hoàng, Dịch, Lệ sinh vào đời Chuyên Húc.

(8) Tốn, Ly, Khôn, Đoài sinh được mấy con?

Tốn sinh ra được bốn con là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Ly sinh được chín con từ Nhất Bạch, Nhị Hắc đến Bát Bạch, Cửu Tử.

Khôn sinh ra sáu con tức là Thái Âm Lục Khí.

Đoài sinh ra bảy con tức là Bắc Đẩu Thất Tinh.

24. [Hoàng Trọng Miên 1973: 436-440].

25. [Nguyễn Đồng Chi 1942: 193-201].

Ấy là Tốn, Ly, Khôn, Đoài có hai mươi sáu con vậy.

(9) Hành mãn tam thiên số, thời đương tứ vạn niên là gì?

Số trời thành một ngàn, số đất thành một ngàn, số người thành một ngàn, ấy là hành mãn tam thiên số.

Từ Thái Dịch đến Thái Sơ là mười ngàn năm, từ Thái Sơ đến Thái Thủy mười ngàn năm, từ Thái Thủy đến Thái Tố mười ngàn năm, từ Thái Tố đến Thái Cực mười ngàn năm. Ấy là thời đương tứ vạn niên.

(10) Đạo cao long hổ phục, đức trọng quỷ thần kinh chỉ về thầy nào?

Đạo chí cao không thể vượt qua được, mà rộng là dương tinh, cạp là âm tinh đều phục đạo cao. Đức chí hậu không thể vượt qua được, mà quỷ là khí tán, thần là khí tinh đều sợ đức trọng. Ấy là đạo cao long hổ phục, đức trọng quỷ thần kinh, chính là chỉ sư Phổ Am vậy.

(11) Phép bắt tà trói quỷ dùng linh phù nào? Đọc thần chú nào?

Nếu được đàn tràng cho chỉnh túc, pháp tịch cho hẳn hoi, niệm thấy Tam Giới mà muôn thánh đều đến, trống đánh ba hồi mà muôn thần đều nhóm họp, trước phải gọi tướng, thứ phải sai đi. Tướng đến thiên vông mà kín đáo ra bùa, bắt tay ấn mà thiêng liêng chú bút, bốn chữ Thánh đề năm chữ Quỷ, chữ (...)⁽²⁷⁾ hợp với vạn linh. Dùng những bùa thiêng Bạch Xà, Độc Cước, đọc những thần chú Thái Thượng, Tề Thiên.

(12) Muốn cho đời này, dân này đều vào trong đài xuân, cùng bước lên cõi thọ thì phải dùng thuật gì?

Nếu trước hết chính tâm thì bọn tà mị không thể rục rịch. Trước hết chính thân thì khí tà không thể xâm phạm. Tâm chính rồi thì lấy đó ra ơn cho dân. Thân chính rồi thì lấy đó mà giúp chúng.

Bài thi trên cho thấy trọng tâm cái học Đạo giáo đời xưa nặng về Đạo giáo

(*Daoist religion*) hơn là Đạo học (*Daoist philosophy*).

VI. CẦU TIÊN

Cầu tiên là một phương tiện liên lạc, tiếp xúc (thông công) giữa con người hữu hình với các đấng tiên thánh vô hình. Người cầu tiên thường có nhiều mục đích khác nhau: hoặc xướng họa thơ với thần tiên, hoặc xin thuốc chữa bệnh, hoặc hỏi việc tương lai hậu vận, hoặc hỏi thiên cơ quốc sự, v.v...

Thông thường các đấng thiêng liêng từ bi đáp ứng các nhu cầu thể tục của con người để nuôi dưỡng đức tin của họ, rồi dần dần dắt dẫn họ vào con đường tu thân dưới sự trực tiếp chỉ dạy của thần tiên.

Thời kì Việt Nam còn dưới ách thực dân Pháp, ở tỉnh Nghệ An có nhiều nơi cầu tiên, gọi là *thiện đàn*.

Ở Miền Bắc, tại làng Hạc Châu, phủ Xuân Trường (huyện Giao Thủy ngày nay), tỉnh Nam Định, có đàn Hưng Thiện. Đàn này qua cơ bút đã tiếp nhận được bộ *Kinh Đạo Nam* (hai quyển) trong tháng 9 và 10 năm 1923⁽²⁸⁾.

Ở Miền Nam, đầu thế kỉ XX nhiều địa danh và các đàn tiên đã gắn liền với lịch sử khai nguyên đạo Cao Đài như đàn ở Miếu Nổi (Bình Lợi, Gò Vấp), ở chùa Ngọc Hoàng (Đa Kao, quận I, Tp. Hồ Chí Minh), đàn Minh Thiện (Thanh An Tự, Thủ Dầu Một, Bình Dương), đàn Hiệp Minh (Cái Khế, Cần Thơ), đàn trên núi Thạch Động (Hà Tiên), đàn ở chùa Quan Âm (trên núi Dương Đông, đảo Phú Quốc), đàn ở phố Hàng Dừa (đường Arras, Sài Gòn, nay là Cống Quỳnh, quận I, Tp. Hồ Chí Minh), v.v...

26. Theo Tiên Thiên Bát Quái thì bốn quẻ Càn, Khôn, Tốn, Cấn tương ứng bốn phương tây, đông, tây bắc, đông bắc. Có lẽ vì thế mà gọi là bốn góc (tứ giác) chăng? [Huệ Khải chú]

27. Bản in bỏ sót một chữ này. Có thể là chữ 神 (*Thần*).

28. Bản kinh bằng chữ Nôm này được Nguyễn Thị Thanh Xuân dịch ra Quốc ngữ, Nhà xuất bản Lao Động, 2007, một quyển.

Đầu thế kỉ XX, đạo Cao Đài ra đời tại Việt Nam. Dễ nhận ra tôn giáo mới này có mối liên hệ gần gũi với Đạo giáo cổ truyền. Đạo Cao Đài thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế (cũng là Cao Đài Tiên Ông), Diêu Trì Kim Mẫu, Thái Thượng Lão Quân, v.v... Đây là các đấng được Đạo giáo tôn thờ trong nhiều thế kỉ.

Các tín đồ Cao Đài xem mình là học trò tiên, tu đạo Tiên. Phương tiện cơ bản

là một điểm tương đồng khác giữa Đạo giáo cổ truyền và đạo Cao Đài. Việc dạy giáo lí qua hình thức thơ phú trong Cao Đài còn cho thấy đường nét của văn hóa Lão-Trang.

Đáng lưu ý rằng Giáo Chủ Cao Đài xưng mình là một vị Tiên Ông. Như vậy, phải chăng đạo Cao Đài ở một chừng mức nào đó có thể xem là Đạo giáo cổ truyền được Việt Nam hóa, hiện đại hóa?

Tài liệu tham khảo:

- [Dương Quảng Hàm 1968b]. *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*. Sài Gòn, Nxb. Trung Tâm Học Liệu.
- [Hoàng Trọng Miên 1973]. *Việt Nam Văn Học Toàn Thư*. Quyển Thượng: *Thần Thoại, Cổ Tích*. Sài Gòn, Nxb. Tiếng Phương Đông.
- [Hoàng Xuân Hãn 1952]. *La Sơn Phu Tử*. Paris, Nxb. Minh Tân.
- [Lê Quý Đôn 1977]. *Toàn Tập*. Tập II: *Kiến Văn Tiểu Lục*. Hà Nội, Nxb. Khoa Học Xã Hội.
- [Liu Tsun-yan 1973]. "The Compilation and Historical Value of the Tao-tsang," *Essays on the Sources for Chinese History*. Editors: Donald Leslies, Colin Mackerras, Wang Gungwu. Canberra: Australian National University Press.
- [Michael Saso 1973]. *Towards a Methodology in the Study of Religious Taoism*, in lại trên tạp chí Phương Đông, số 24 (tháng 6-1973), tr. 403-416.
- [Ngô Sĩ Liên 1974]. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*. Tập I. Tạ Quang Phát dịch. Sài Gòn: Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên xuất bản.
- [Ngô Thì Nhậm 1978]. *Thơ Văn Ngô Thì Nhậm*. Tập I. Hà Nội, Nxb. Khoa Học Xã Hội.
- [Nguyễn Đăng Thục 1971a]. "Lý Hoặc Luận," *Tư Tưởng*, số 2, năm thứ Tư. Sài Gòn, Viện Đại Học Vạn Hạnh xuất bản, tháng 4.
- [Nguyễn Đồng Chi 1942]. *Việt Nam Cổ Văn Học Sử*. Hà Nội, Nxb. Hàn Thuyên.
- [Nguyễn Hiến Lê 1992]. *Khổng Tử*. Hà Nội, Nxb. Văn Hóa.
- [Nguyễn Tự 1962-1963]. *Tân Biên Truyền Kỳ Mạn Lục*. Quyển 1-2. Bùi Xuân Trang dịch. Sài Gòn, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản.
- [Phạm Văn Diêu 1960]. *Văn Học Việt Nam*. Quyển I. Sài Gòn, Nxb. Tân Việt.
- [Phạm Văn Sơn 1963]. *Việt Sử Tân Biên*. Quyển V. Sài Gòn.
- [Trần Văn Giáp 1984]. *Tìm Hiểu Kho Sách Hán-Nôm*. Tập I. Hà Nội, Nxb. Văn Hóa.
- [Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam 1971a]. *Lịch Sử Việt Nam*. Tập I. Hà Nội, Nxb. Khoa Học Xã Hội.
- [Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam 1971b-1978]. *Tuyển Tập Văn Bia Hà Nội*. Tập I, II. Hà Nội, Nxb. Khoa Học Xã Hội.
- [Viện Văn Học 1977-1989-1978]. *Thơ Văn Lý-Trần*. Tập I, II, III. Hà Nội, Nxb. Khoa Học Xã Hội.